TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Văn Khuyến**
Ông Hồ Viết Trung

- Thư ký phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* **Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2017/TLST - HNGĐ ngày 07/4/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị T**, sinh năm 1993 (Có mặt)
Bị đơn: **Ông Phạm Văn D**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/10/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến tháng 01/2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, ông D không lo làm ăn, không lo cho gia đình, ham chơi, không cùng quan điểm

sống, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông D.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 23/01/2016 và cháu Phạm Hoàng Anh V, sinh ngày 27/02/2012. Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn D có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, hiện nay ông D vẫn có mặt tại địa phương. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vẫn cố tình không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông D.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị T được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Phạm Văn D có nơi cư trú tại xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn ông Phạm Văn D mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của

pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/10/2011. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tại Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, ông D không lo làm ăn, không lo cho gia đình, ham chơi, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay bà T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nội dung biên bản xác minh phù hợp với lời trình bày của bà T.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn ông Phạm Văn D đều vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Chứng tỏ ông D đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án tiến hành việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng của bà T đối với ông D không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Phạm Văn D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 23/01/2016 và cháu Phạm Hoàng Anh V, sinh ngày 27/02/2012. Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T

Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn D

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 025788 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Quang Ninh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Vào hồi .....giờ..... phút ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hồ Viết Trung**

Bà Trần Thị Thanh Miên

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2017/TLST - HNGĐ ngày 07/02/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền**, sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: **Ông Hoàng Thanh Sơn**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã Long Hưng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền được ly hôn với ông Hoàng Thanh Sơn

Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 12/8/2014 cho bà Huyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong thời gian nuôi con, bà Huyền phải tạo mọi điều kiện tốt nhất cho ông Sơn qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo quy định pháp luật.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 025684 ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tuyên quyền kháng cáo

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí; đạt 100%

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ ..... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.